BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC LÂM NGHIỆP

Số: 1164 /LN-KHTC

V/v kiến nghị của các địa phương liên quan thực hiện bảo vệ và phát triển rừng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2023

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh: Bắc Kạn, Lai Châu, Lạng Sơn, Bắc Giang, Nghệ An, Gia Lai, Bình Định

Cục Lâm nghiệp được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao trả lời kiến nghị của các địa phương tại Văn bản số 7046/BNN-VP ngày 02/10/2023 về việc tập trung giải quyết các kiến nghị của địa phương; Cục Lâm nghiệp có ý kiến như sau:

1. Thực hiện công điện số 71/CĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có Văn bản số 1755/BNN-TCLN ngày 23/3/2023 gửi Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh về trả lời vướng mắc trong thực hiện Tiểu Dự án 1, thuộc Dự án 3, Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngoài ra, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có văn bản trả lời kiến nghị của cử tri các tỉnh do Ban Dân nguyện - Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Chính phủ chuyển đến, trong đó có các nội dung kiến nghị của các tỉnh về thực hiện cơ chế, chính sách lĩnh vực lâm nghiệp, thực hiện công tác bảo vệ và phát triển rừng *(xin gửi các văn bản kèm theo)*.

2. Đối với kiến nghị của UBND các tỉnh: Bắc Kạn, Lai Châu, Lạng Sơn, Bắc Giang, Nghệ An, Gia Lai, Bình Định; Cục Lâm nghiệp có ý kiến trả lời tại Phụ lục kèm theo.

Trên đây là ý kiến của Cục Lâm nghiệp, kính đề nghị UBND các tỉnh chỉ đạo, triển khai./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Quốc Trị (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ủy ban Dân tộc;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VP Bộ (Phòng Tổng hợp);
- Lưu: VT, KHTC.

CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC LÂM NGHIỆP
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Trần Quang Bảo

Phụ lục

TRẢ LỜI KIẾN NGHỊ CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Văn bản số /LN-KHTC ngày tháng năm 2023 của Cục Lâm nghiệp)

TT	Địa phương	Nội dung kiến nghị	Nội dung trả lời, kết quả xử lý
1	**BẮC KẠN**	Tại QĐ 1067/QĐ-BTC ngày 10/6/2022 của Bộ Tài chính phân bổ kinh phí Tiểu dự án 1, Dự án 3 là 72.328 triệu đồng. Tuy nhiên, năm 2022 chỉ thực hiện được 17.335,65 triệu đồng, còn dư 54.972,35 triệu đồng do không có cơ sở khối lượng thanh toán. Vì vậy, Đề nghị TTCP đồng ý cho tỉnh sử dụng một phần kinh phí từ nguồn vốn của Tiểu dự án 1 để thanh toán nhân công khoán bảo vệ rừng.	Ngày 17/8/2023, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 6316/VPCP-QHĐP, giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và PTNT trả lời ý kiến, kiến nghị của các vị Đại biểu Quốc hội, trong đó có kiến nghị của ĐBQH Hồ Thị Kim Ngân – Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Kạn: "*…Ngày 10/6/2022 Bộ Tài chính có quyết định về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tỉnh Bắc Kạn đã được phân bổ trên 72 tỷ để thực hiện Tiểu dự án 1 của Dự án 3, với thời gian cấp kinh phí và các văn bản hướng dẫn muộn nên việc triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 trong năm 2022 tỉnh Bắc Kạn chỉ giải ngân được trên 17 tỷ, còn hơn 54 tỷ, đối chiếu với đối tượng, khối lượng kết quả thực hiện giao khoán bảo vệ rừng tự nhiên từ năm 2021-2022 các xã khu vực 2, khu vực 3 trên địa bàn tỉnh là phù hợp với mục tiêu. Đối tượng của Tiểu dự án 1, đề nghị Chính phủ đồng ý cho tỉnh được sử dụng một phần kinh phí từ nguồn vốn đã được phân bổ trong năm 2022 của Tiểu dự án 1 để thanh toán tiền nhân công khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng tự nhiên, phòng hộ và sản xuất thuộc các xã khu vực 2, khu vực 3 của 2 năm 2021-2022.".* Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có văn bản số 6028/BNN-LN ngày 30/8/2023 gửi Bộ Tài chính tổng hợp để trả lời kiến nghị của ĐBQH Hồ Thị Kim Ngân. Bộ Tài chính đã có văn bản số 11224/BTC-NSNN ngày 13/10/2023 gửi ĐBQH Hồ Thị Kim Ngân. *(Xin gửi các văn bản kèm theo)*

TT	Địa phương	Nội dung kiến nghị	Nội dung trả lời, kết quả xử lý
2	**LẠNG SƠN, BẮC GIANG, BÌNH ĐỊNH**	Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung đối tượng thôn đặc biệt khó khăn không thuộc các xã khu vực II, III được thụ hưởng chính sách phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân của Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 theo Quyết định số 1719/2021/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I từ năm 2021 - 2025.	Ngày 15/9/2023, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có Văn bản số 6606/BNN-LN về trả lời kiến nghị cử tri sau kỳ họp thứ 5, Quốc hội khoá XV, gửi Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Lạng Sơn, trong đó có nội dung trả lời như sau: *"Hiện nay, việc hỗ trợ cho công tác bảo vệ và phát triển rừng cho các đối tượng tại các xã vùng I thuộc các huyện miền núi được quy định trong Chương trình 809. Vì vậy, để tránh trùng lắp nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ và phát triển rừng trong nội dung Tiểu dự án 1, Dự án 3 thuộc Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 chỉ quy định các đối tượng thụ hưởng tại vùng II, vùng III, không mở rộng các đối tượng được thụ hưởng thêm là các xã vùng I đã được quy định tại Chương trình 809"*
3	**NGHỆ AN, GIA LAI**	Đề nghị Bộ NNPTNT xem xét: - Bổ sung Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 theo hướng bổ sung đối tượng là các hộ gia đình sinh sống tại thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực I (KV1) được hưởng chính sách giao khoán, hỗ trợ bảo vệ rừng như các xã KV2, KV3.	- Về bổ sung đối tượng các hộ gia đình sinh sống tại thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực I (KV1) được hưởng chính sách giao khoán, hỗ trợ bảo vệ rừng như các xã KV2, KV3: Hiện nay, việc hỗ trợ cho công tác bảo vệ và phát triển rừng cho các đối tượng tại các xã vùng I thuộc các huyện miền núi được quy định trong Chương trình 809. Vì vậy, để tránh trùng lắp nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ và phát triển rừng trong nội dung Tiểu dự án 1, Dự án 3 thuộc Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 chỉ quy định các đối tượng thụ hưởng tại vùng II, vùng III, không mở rộng các đối tượng được thụ hưởng thêm là các xã vùng I đã được quy định tại Chương trình 809.

TT	Địa phương	Nội dung kiến nghị	Nội dung trả lời, kết quả xử lý
		Quy định chi tiết thêm về nội dung hướng dẫn tại Điều 22, Thông tư số 12/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022, cụ thể là việc xây dựng dự án về trợ cấp gạo thực hiện bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung, trồng rừng phòng hộ, trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ; hướng dẫn cụ thể việc chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định cụ thể đối tượng hộ gia đình nghèo chưa tự túc được lương thực; xem xét sửa đổi, bổ sung Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT và hướng dẫn để địa phương triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 3 theo đúng quy định.	- Đối với nội dung hướng dẫn về trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng: Đã cụ thể tại Điều 22, Thông tư số 12/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 trên cơ sở quy định tại Điều 7, Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ; kế thừa các quy định, hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 92/2016/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Nghị định số 75/2015/NĐ-CP; Do đó, đề nghị UBND các tỉnh chỉ đạo các đơn vị triển khai tổ chức thực hiện trợ cấp gạo theo đúng quy định, hướng dẫn hiện hành. Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng, hoàn thiện dự thảo Nghị định về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp trình Chính phủ; tiếp thu, giải trình ý kiến của các Thành viên Chính phủ tại Báo cáo số 3078/BC-BNN-TCLN ngày 17/5/2022; hoàn thiện dự thảo Nghị định, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 7326/BC-BNN-LN ngày 12/10/2023; dự thảo Nghị định sẽ thay thế các văn bản quy định chính sách về lâm nghiệp hiện hành. Sau khi Nghị định được ban hành, Cục Lâm nghiệp sẽ tham mưu cho Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT, đảm bảo phù hợp với các quy định.
4	**BÌNH ĐỊNH**	Đề nghị Ủy ban Dân tộc phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tham mưu Thủ tướng Chính phủ bổ sung đối tượng thôn ĐBKK không thuộc các xã khu vực II, III được thụ hưởng chính sách phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho	Hiện nay, việc hỗ trợ cho công tác bảo vệ và phát triển rừng cho các đối tượng tại các xã vùng I thuộc các huyện miền núi được quy định trong Chương trình 809. Vì vậy, để tránh trùng lắp nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ và phát triển rừng trong nội dung Tiểu dự án 1, Dự án 3 thuộc Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 chỉ quy định các đối tượng thụ hưởng tại vùng II, vùng III, không mở rộng các đối tượng được thụ hưởng thêm là các xã vùng I đã được quy định tại Chương trình 809.

TT	Địa phương	Nội dung kiến nghị	Nội dung trả lời, kết quả xử lý
		người dân thuộc nội dung Tiểu dự án 1 của Dự án 3 theo quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Chính phủ. Tỉnh Bình Định hiện có 07 thôn đặc biệt khó khăn không thuộc đối tượng nên người dân sinh sống gặp khó khăn do không được thụ hưởng chính sách.	
6	**LAI CHÂU, GIA LAI**	Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: - Có hướng dẫn cụ thể đối với việc trên cùng một diện tích thực hiện khoán bảo vệ rừng, bảo vệ rừng có được nhận cùng lúc tiền thu được từ nguồn dịch vụ môi trường rừng và nguồn vốn hỗ trợ khoán, bảo vệ rừng của tiểu dự án 1, dự án 3 thuộc Chương trình. Hướng dẫn cụ thể địa phương đã được hưởng hỗ trợ bảo vệ rừng; hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung đã được địa phương chi trả từ nguồn dịch vụ môi trường rừng thì có tiếp tục được hưởng chính sách tại Tiểu dự án 1, Dự án 3 Quyết định số 1719/QĐ-	Hiện nay, pháp luật về lâm nghiệp chưa có quy định diện tích rừng đã được hưởng nguồn kinh phí từ dịch vụ môi trường rừng thì không được hưởng kinh phí hỗ trợ bảo vệ rừng, khoán bảo vệ rừng từ nguồn ngân sách nhà nước theo các cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng hiện hành. Nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng là nguồn thu của chủ rừng, chủ rừng sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, pháp luật hiện hành. Đối với khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung: - Chủ rừng sử dụng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, cùng với nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để khoán bảo vệ rừng theo các quy định, cơ chế, chính sách hiện hành; - Đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng đã được nhận khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung từ nguồn chi trả dịch vụ môi trường rừng thì không được nhận khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung từ nguồn tiền hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trên cùng một diện tích, đảm bảo không chồng chéo diện tích, kinh phí hỗ trợ khoán bảo vệ rừng.

TT	Địa phương	Nội dung kiến nghị	Nội dung trả lời, kết quả xử lý
		TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ hay không?	
7	**LAI CHÂU**	Đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành các chính sách đặc thù về: - Đề án thí điểm nuôi trồng dược liệu dưới tán rừng (nhất là rừng phòng hộ và rừng đặc dụng); Đề án phát triển cây Sâm Việt Nam, trong đó có Sâm Lai Châu; Đề án phát triển du lịch gắn với vùng sinh thái rừng đặc dụng, rừng phòng hộ. - Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ trong đó nâng mức hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh không trồng bổ sung từ 3 triệu đồng/ha/6 năm lên 6 triệu đồng/ha/6 năm. Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/01/2018 của Chính phủ trong đó nâng mức chi trả dịch vụ môi trường rừng: thủy điện từ 36 đồng/kWh lên 50 đồng/kWh, nước sạch từ 52	- Về Đề án thí điểm nuôi trồng dược liệu dưới tán rừng (nhất là rừng phòng hộ và rừng đặc dụng); Đề án phát triển cây Sâm Việt Nam: Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có văn bản số 897/BNN-TCLN ngày 21/02/2023 trả lời kiến nghị của tỉnh Lai Châu *(xin gửi văn bản kèm theo).* - Về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ: Cục Lâm nghiệp đã có Văn bản số 434/LN-KHTC ngày 17/7/2023 trả lời kiến nghị của tỉnh, trong đó nội dung như sau: *"Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng, hoàn thiện dự thảo Nghị định về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp trình Chính phủ; tiếp thu, giải trình ý kiến của các Thành viên Chính phủ tại Báo cáo số 3078/BC-BNN-TCLN ngày 17/5/2022; hoàn thiện dự thảo Nghị định, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 2969/BNN-LN ngày 11/5/2023. Dự thảo Nghị định sẽ thay thế các văn bản quy định chính sách về lâm nghiệp hiện hành, trong đó có Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Nội dung dự thảo Nghị định đã quy định đầy đủ các chính sách về đầu tư bảo vệ và phát triển rừng nói chung, chính sách cụ thể theo loại rừng và đối tượng, mức hỗ trợ, trong đó có mức hỗ trợ trồng rừng; đảm bảo hài hòa khả năng cân đối ngân sách nhà nước và yêu cầu thực tiễn hiện nay, tạo động lực kinh tế, khuyến khích người dân tham gia bảo vệ và phát triển rừng, góp phần phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, an ninh, quốc phòng".* - Về nâng mức chi trả dịch vụ môi trường rừng: Cục Lâm nghiệp đã có văn bản số 492/LN-QBVPTR ngày 25/7/2023 về trả lời kiến nghị của tỉnh, trong đó nội dung như sau: *"Luật Lâm nghiệp quy định các cơ sở sản xuất thủy điện phải chi trả tiền dịch vụ về bảo vệ đất, hạn chế xói mòn và bồi lắng lòng hồ, lòng sông, lòng suối, điều tiết và*

TT	Địa phương	Nội dung kiến nghị	Nội dung trả lời, kết quả xử lý
		đồng/m3 lên 70 đồng/m3; cho phép sử dụng một phần chi phí quản lý cấp tỉnh để thực hiện công tác đầu tư trồng rừng phòng hộ và hỗ trợ phát triển rừng sản xuất.	*duy trì nguồn nước cho sản xuất thủy điện; cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch phải chi trả tiền dịch vụ về điều tiết và duy trì nguồn nước cho sản xuất nước sạch.* *Mức chi trả dịch vụ môi trường rừng được quy định tại Điều 59 Nghị định 156/2018/NĐ-CP, cụ thể: cơ sở sản xuất thủy điện: 36 đồng/kWh, cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch: 52 đồng/m3. Tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng là một yếu tố trong giá thành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng đã được tính toán vào giá thành theo quy định tại Khoản 4 Điều 62 Luật Lâm nghiệp đảm bảo phù hợp, hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan.* *Theo quy định tại khoản 6, Điều 59 Nghị định 156/2018/NĐ-CP quy định: "Khi giá bán lẻ điện, nước bình quân chung biến động tăng hoặc giảm 20% Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chính phủ quyết định điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng tương ứng". Hiên nay giá bán lẻ điện, nước bình quân chung chưa biến động tăng hoặc giảm 20%. Do vậy, Cục Lâm nghiệp ghi nhận kiến nghị của tỉnh, Cục Lâm nghiệp sẽ báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chính phủ xem xét, điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng khi có đủ điều kiện theo quy định."*